

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vạn Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Diệu	Phó Chủ tịch (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Khuất Tùng Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Tô Hải	Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Số: 0071 /Deloitte-HCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), lập ngày 8 tháng 8 năm 2012, từ trang 3 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 8 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1204/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.710.217.799	123.923.083.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.579.732.563	56.839.351.320
1. Tiền	111		5.179.732.563	4.835.728.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.400.000.000	52.003.623.131
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.664.142.020	2.409.966.840
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.979.120.100	6.979.120.100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.314.978.080)	(4.569.153.260)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.537.510.191	55.694.266.046
1. Phải thu khách hàng	131		57.275.719.806	48.302.465.144
2. Trả trước cho người bán	132		1.849.799.513	1.252.471.681
3. Các khoản phải thu khác	135		9.404.016.602	7.415.773.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(992.025.730)	(1.276.444.747)
IV. Hàng tồn kho	140		6.588.517.481	4.057.443.164
1. Hàng tồn kho	141	7	6.588.517.481	4.057.443.164
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.340.315.544	4.922.056.590
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		880.533.159	595.461.503
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		271.162.307	68.233.332
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		798.310.365	653.589.111
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.390.309.713	3.604.772.644
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.694.624.548	38.643.473.902
I. Tài sản cố định	220		33.077.151.176	35.761.175.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	31.610.530.228	34.182.685.705
- Nguyên giá	222		98.520.494.203	98.408.597.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.909.963.975)	(64.225.911.915)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.466.620.948	1.578.490.198
- Nguyên giá	228		2.534.943.731	2.534.943.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.068.322.783)	(956.453.533)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.680.000.000	1.680.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.680.000.000	1.680.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		937.473.372	1.202.297.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	542.544.772	813.369.399
2. Tài sản dài hạn khác	268		394.928.600	388.928.600
TỔNG TÀI SẢN	270		171.404.842.347	162.566.557.862

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.243.941.721	36.685.793.030
I. Nợ ngắn hạn	310		43.586.880.456	35.963.815.481
1. Phải trả người bán	312		30.549.340.993	23.960.739.800
2. Người mua trả tiền trước	313		181.430.278	280.479.408
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.984.571.983	2.812.708.795
4. Phải trả người lao động	315		4.954.665.487	4.840.831.002
5. Chi phí phải trả	316		500.067.517	532.574.435
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.203.687.465	2.304.976.704
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.213.116.733	1.231.505.337
II. Nợ dài hạn	330		657.061.265	721.977.549
1. Phải trả dài hạn khác	333		465.096.000	425.096.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		191.965.265	296.881.549
B. NGUỒN VỐN	400		127.160.900.626	125.880.764.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	127.160.900.626	125.880.764.832
1. Vốn điều lệ	411		83.518.570.000	83.518.570.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.654.810.040	4.453.538.386
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		126.623.172	37.257.128
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.836.829.464	18.434.286.157
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.078.708.499	3.763.537.087
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.945.359.451	15.673.576.074
TỔNG NGUỒN VỐN	440		171.404.842.347	162.566.557.862

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2012		31/12/2011	
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ)	002	379.141.911.814	481.866.865.792		
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	004	624.958.040	219.366.460		
3. Ngoại tệ (USD)	007	170.403,59	597.679,32		
4. Ngoại tệ (EUR)	007	307,21	7.720,76		

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.



Bàng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	295.636.125.152	319.139.116.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		295.636.125.152	319.139.116.123
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	(240.729.335.746)	(259.427.432.742)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.906.789.406	59.711.683.381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.974.515.447	3.075.571.338
7. Chi phí tài chính	22	19	(74.626.842)	(1.572.359.991)
8. Chi phí bán hàng	24		(35.826.838.842)	(38.645.841.736)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(5.289.054.155)	(5.453.735.190)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.690.785.014	17.115.317.802
11. Thu nhập khác	31		213.367.468	245.129.107
12. Chi phí khác	32		(10.382.198)	(225.565.711)
13. Lợi nhuận khác	40	20	202.985.270	19.563.396
14. Lợi nhuận trước thuế	50		16.893.770.284	17.134.881.198
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(4.068.527.571)	(4.158.701.049)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		12.825.242.713	12.976.180.149
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.536	1.554



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.893.770.284	17.134.881.198
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.857.704.247	3.325.585.608
Các khoản dự phòng	03	(538.594.197)	1.296.979.567
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.763.579.541)	(1.456.476.816)
Chi phí lãi vay	06	5.139.278	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.454.440.071	20.300.969.557
Tăng các khoản phải thu	09	(12.869.972.545)	(3.376.826.501)
Tăng hàng tồn kho	10	(2.531.074.317)	(998.207.000)
Tăng các khoản phải trả (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	11	7.169.265.679	1.112.859.942
Tiền lãi vay đã trả	12	(14.247.029)	116.092.551
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(5.139.278)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.754.870.771)	(3.499.774.127)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	334.516.430	1.931.176.030
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.106.870.917)	(5.815.989.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.676.047.323	9.770.301.070
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(178.141.820)	(168.591.819)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	818.181	191.800.000
3. Tiền thu hồi từ bán lại các cổ phiếu	24	-	(36.050.000)
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.497.868.104	1.164.325.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.320.544.465	1.151.484.048
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	4.500.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.500.000.000)	-
3. Cổ tức đã trả	36	(8.343.161.100)	(8.501.935.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.343.161.100)	(8.501.935.887)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(4.346.569.312)	2.419.849.231
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.839.351.320	46.144.280.101
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	86.950.555	554.097.699
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	52.579.732.563	49.118.227.031

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong kỳ lần lượt không bao gồm số tiền 134.077.093 đồng (năm 2011: 125.381.193 đồng) và 269.355.556 đồng (năm 2011: 324.193.567 đồng) là số cổ tức đã công bố trong kỳ nhưng chưa được thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả và tăng giảm các khoản phải thu.



Đặng Vũ Thành
Tổng giám đốc
 Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 1 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty, tương đương với quyền biểu quyết tương ứng. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 4 tháng 2 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 366 người (năm 2011: 350 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyên tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Nếu Công ty áp dụng hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10 thì lợi nhuận trước thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ tăng 89.366.044 đồng và khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ có số dư bằng không.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	337.570.355	706.161.400
Tiền gửi ngân hàng	4.842.162.208	4.129.566.789
Các khoản tương đương tiền	47.400.000.000	52.003.623.131
	<u>52.579.732.563</u>	<u>56.839.351.320</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 1 tuần đến 1 tháng với lãi suất từ 9% đến 11% (Năm 2011: từ 13,5% đến 14%)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
Chứng khoán đã niêm yết	4.516.720.100	4.516.720.100
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	2.462.400.000
	6.979.120.100	6.979.120.100
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.314.978.080)	(4.569.153.260)
	<u>2.664.142.020</u>	<u>2.409.966.840</u>

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán, trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Công ty TNHH Dos-Tex Việt Nam được Ban Quản Lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Hưng Yên (thuộc UBND Tỉnh Hưng Yên) quyết định thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 052043000082 (chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 8 năm 2009). Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi cho Công ty TNHH Dos-Tex Việt Nam với số tiền là 789.775.980 đồng. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Hưng Yên, Cơ quan quyết định thành lập, đã có ý kiến là Công ty TNHH Dos-Tex Việt Nam đã ngừng hoạt động, không có khả năng thanh toán theo Công văn trả lời số 499/BQL-DT ngày 27 tháng 10 năm 2011 nên Ban Giám đốc Công ty đang xem xét việc xử lý tài chính của khoản nợ không có khả năng thu hồi này. Theo Khoản 4 Điều 6 quy định về điều kiện Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 thì đối với tổ chức kinh tế là khách nợ đã ngừng hoạt động, không có khả năng chi trả, điều kiện để xử lý khoản nợ là khi có “Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán”.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi nói trên.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	216.163.636	-
Công cụ, dụng cụ	7.405.000	16,291,000
Hàng hoá	6.364.948.845	4,041,152,164
	<u>6.588.517.481</u>	<u>4,057,443,164</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	50.797.337.102	5.437.641.499	39.810.344.625	2.363.274.394	98.408.597.620
Tăng	-	91.500.000	-	86.641.820	178.141.820
Thanh lý	-	(16.476.190)	-	(49.769.047)	(66.245.237)
Tại ngày 30/6/2012	<u>50.797.337.102</u>	<u>5.512.665.309</u>	<u>39.810.344.625</u>	<u>2.400.147.167</u>	<u>98.520.494.203</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	41.590.397.865	3.477.102.245	17.662.799.165	1.495.612.640	64.225.911.915
Khấu hao trong kỳ	872.875.602	174.734.908	1.561.009.506	137.214.981	2.745.834.997
Thanh lý	-	(12.013.890)	-	(49.769.047)	(61.782.937)
Tại ngày 30/6/2012	<u>42.463.273.467</u>	<u>3.639.823.263</u>	<u>19.223.808.671</u>	<u>1.583.058.574</u>	<u>66.909.963.975</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>8.334.063.635</u>	<u>1.872.842.046</u>	<u>20.586.535.954</u>	<u>817.088.593</u>	<u>31.610.530.228</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.206.939.237</u>	<u>1.960.539.254</u>	<u>22.147.545.460</u>	<u>867.661.754</u>	<u>34.182.685.705</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 39.895.281.528 đồng (Năm 2011: 29.206.800.048 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Trang web VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012 và 30/6/2012	1.287.550.000	1.069.512.750	177.880.981	2.534.943.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	145.922.356	640.869.123	169.662.054	956.453.533
Khấu hao trong kỳ	12,875,502	97,391,952	1,601,796	111,869,250
Tại ngày 30/6/2012	<u>158,797,858</u>	<u>738,261,075</u>	<u>171,263,850</u>	<u>1,068,322,783</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2012	<u>1.128.752.142</u>	<u>331.251.675</u>	<u>6.617.131</u>	<u>1.466.620.948</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.141.627.644</u>	<u>428.643.627</u>	<u>8.218.927</u>	<u>1.578.490.198</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (“Công ty liên kết”), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty liên kết là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2011: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2011: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty liên kết không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011 VND
Số dư đầu kỳ	813.369.399	1,425,272,285
Tăng trong kỳ	26.121.737	333,759,730
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(296.946.364)	(945,662,616)
Số dư cuối kỳ	542.544.772	813,369,399

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	678.150.961	810.667.734
Thuế xuất nhập khẩu	33.214.766	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.068.527.571	1.754.870.771
Thuế thu nhập cá nhân	199.205.485	245.767.203
Các loại thuế khác	5.473.200	1.403.087
	2.984.571.983	2.812.708.795

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	83.518.570.000	2.906.976.300	(477.756.234)	10.915.825.004	2.965.054.250	18.603.456.223	118.432.125.543
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.025.433.074	24.025.433.074
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	515.013.362	-	-	-	515.013.362
Phân phối quỹ	-	1.546.562.086	-	7.518.461.153	1.589.789.912	(10.654.813.151)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.857.414.100)	(10.857.414.100)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(522.160.715)	-	(522.160.715)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.824.461.137)	(4.824.461.137)
Giảm khác	-	-	-	-	(269.146.360)	(618.624.835)	(887.771.195)
Tại ngày 31/12/2011	83.518.570.000	4.453.538.386	37.257.128	18.434.286.157	3.763.537.087	15.673.576.074	125.880.764.832
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	12.825.242.713	12.774.221.346
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	89.366.044	-	-	-	89.366.044
Phân phối quỹ	-	1.201.271.654	-	2.402.543.307	720.762.992	(4.324.577.953)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.396.515.722)	(2.396.515.722)
Giảm khác	-	-	-	-	(405.591.580)	(480.508.661)	(886.100.241)
Tại ngày 30/6/2012	83.518.570.000	5.654.810.040	126.623.172	20.836.829.464	4.078.708.499	12.945.359.451	127.160.900.626

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2012, các cổ đông Công ty đã quyết định trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.703.714.000 đồng (năm 2011 đã tạm trích và trả 8.351.857.500 đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối. Cũng tại cuộc họp này, Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 480.508.661 đồng.

Các khoản giảm khác từ quỹ dự phòng tài chính bao gồm xử lý nợ phải thu khó đòi đối với Công ty Alisped USA, một khách hàng được xử lý theo quyết định số 214/QĐ-KVMN của Tổng Giám Đốc (căn cứ theo quy chế KTTTC ban hành kèm theo QĐ số 396/QĐ-KVMN ngày 29 tháng 9 năm 2011).

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

	30/6/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.351.857
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
			VNĐ	VNĐ
SCIC	3.985.942	3.985.942	39.859.420.000	39.859.420.000
Các cổ đông khác	<u>4.365.915</u>	<u>4.365.915</u>	<u>43.659.150.000</u>	<u>43.659.150.000</u>

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Chi tiêu	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải VNĐ	Kinh doanh xăng dầu, nhớt VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	207.641.303.984	87.994.821.168	295.636.125.152
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	156.308.423.667	84.420.912.079	240.729.335.746
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	51.332.880.317	3.573.909.089	54.906.789.406
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	3.018.201.944	169.680.971	3.187.882.915
Các chi phí trực tiếp	35.782.420.829	2.560.776.961	38.343.197.790
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	2.767.527.911	90.176.336	2.857.704.247
Lợi nhuận trước thuế	15.801.133.521	1.092.636.763	16.893.770.284
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.795.368.380	273.159.191	4.068.527.571
Lợi nhuận sau thuế	<u>12.005.765.141</u>	<u>819.477.572</u>	<u>12.825.242.713</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012			
Tài sản bộ phận	97.872.655.179	12.596.515.560	110.469.170.739
Tài sản không phân bổ	-	-	60.935.671.608
Tổng tài sản	97.872.655.179	12.596.515.560	171.404.842.347
Nợ phải trả bộ phận	36.451.385.582	953.646.353	37.405.031.935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.838.909.786
Tổng nợ phải trả	<u>36.451.385.582</u>	<u>953.646.353</u>	<u>44.243.941.721</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011**

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	241.406.703.436	77.732.412.687	319.139.116.123
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	184.563.171.417	74.864.261.325	259.427.432.742
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	56.843.532.019	2.868.151.362	59.711.683.381
Doanh thu hoạt động tài chính, và thu nhập khác	3.320.700.385	60	3.320.700.445
Các chi phí trực tiếp	40.580.477.135	1.991.439.885	42.571.917.020
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	3.238.235.924	87.349.684	3.325.585.608
Lợi nhuận trước thuế	16.345.519.345	789.361.853	17.134.881.198
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.961.360.585	197.340.463	4.158.701.049
Lợi nhuận sau thuế	<u>12.384.158.760</u>	<u>592.021.390</u>	<u>12.976.180.150</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tài sản bộ phận	104.109.033.059	13.836.367.897	117.945.400.956
Tài sản không phân bổ	-	-	53.803.109.102
Tổng tài sản	104.109.033.059	13.836.367.897	171.748.510.058
Nợ phải trả bộ phận	38.380.100.754	924.174.698	39.304.275.452
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	8.931.072.656
Tổng nợ phải trả	<u>38.380.100.754</u>	<u>924.174.698</u>	<u>48.235.348.108</u>

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Doanh thu bán hàng	87.921.876.550	77.596.049.049
Doanh thu cung cấp dịch vụ	207.714.248.602	241.543.067.074
	<u>295.636.125.152</u>	<u>319.139.116.123</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	85.908.540.874	76,615,663,429
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	154.820.794.872	182,811,769,313
	<u>240.729.335.746</u>	<u>259,427,432,742</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.508.119	416.159.627
Chi phí nhân công	27.199.275.353	27.514.430.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.857.704.347	3.325.585.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.834.171.553	7.757.994.846
Chi phí khác	4.112.800.095	4.511.353.392
	<u>41.300.459.467</u>	<u>43.525.523.931</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi	2.147.563.660	924.402.605
Cổ tức, lợi nhuận được chia	619.660.000	555.062.150
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	207.291.787	1.577.605.220
Lãi do bán ngoại tệ	-	18.501.363
	<u>2.974.515.447</u>	<u>3.075.571.338</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền vay	5.139.278	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	267.095.871	473.269.944
Lỗ do bán ngoại tệ	16.566.873	129.056.147
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(214.175.180)	970.033.900
	<u>74.626.842</u>	<u>1.572.359.991</u>

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	818.181	191.800.000
Khác	212.549.287	53.329.107
Thu nhập khác	<u>213.367.468</u>	<u>245.129.107</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(4.462.300)	(214.787.939)
Khác	(5.919.898)	(10.777.772)
Chi phí khác	<u>(10.382.198)</u>	<u>(225.565.711)</u>
Lợi nhuận khác	<u>202.985.270</u>	<u>19.563.396</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	16.893.770.284	17.134.881.198
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	<u>(619.660.000)</u>	<u>(500.077.002)</u>
Thu nhập chịu thuế	<u>16.274.110.284</u>	<u>16.634.804.196</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.068.527.571</u>	<u>4.158.701.049</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.825.242.713	12.976.180.149
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	8.351.857	8.351.857
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.536</u>	<u>1.554</u>

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>11.093.555.528</u>	<u>4.154.538.036</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	<u>10.435.503.047</u>	<u>8.856.205.020</u>
	<u>10.435.503.047</u>	<u>10.435.503.047</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.579.732.563	56,839,351,320
Phải thu khách hàng và phải thu khác (trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi)	65.687.710.678	54,441,794,365
Đầu tư ngắn hạn	2.664.142.020	2,409,966,840
Tài sản tài chính khác	810.702.600	816,888,600
	<u>121.742.287.861</u>	<u>114,508,001,125</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	33.753.028.458	26,265,716,504
Chi phí phải trả	500.067.517	532,574,435
Công nợ tài chính khác	465.096.000	425,096,000
	<u>34.718.191.975</u>	<u>27,223,386,939</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kê toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỉ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<u>Công nợ</u>		<u>Tài sản</u>	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.663.243.117	5.866.629.234	9.001.254.977	16.117.737.461
Euro (EUR)	203.204.370	294.696.308	8.689.720	199.958.457
Yên Nhật (JPY)	-	4.370.181	-	-
Đôla Úc (AUD)	29.530.748	30.310.547	-	-
Đôla Singapore (SGD)	8.541.685	19.564.140	-	-

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và giá thuê dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011: đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011: đến 30/6/2011 VNĐ
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Doanh thu	475.796.394	63.959.740
Mua hàng	<u>1.488.368.503</u>	<u>1.733.187.980</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lương	1.271.437.089	1.225.823.658
Thưởng	372.934.165	449.900.607
Các khoản phúc lợi khác	<u>473.308.661</u>	<u>618.624.835</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Các khoản phải thu	40.416.928	7.778.550
Các khoản phải trả	<u>1.142.925.312</u>	<u>584.940.957</u>



Đặng Văn Thành
Tổng giám đốc
 Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Lập bảng

